

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày: 11-7-2023.

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Đào Khel.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Lý Tích Q**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:**

1. Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Khuru Ngọc T**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường C1, khóm C2, phường C3, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Khuru Hoàng T1**, sinh năm 19 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, đường C1, khóm C2, phường C3, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lý Tích Q trình bày:**

Từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Ngọc H có đến cửa hàng điện tử - điện gia dụng Minh Mẫn mua Tivi, đầu thu nhiều lần với tổng số tiền là 86.665.000 đồng và bà H đã đưa trước cho ông Q số tiền là 13.000.000 đồng. Bên cạnh đó bà Khuru Ngọc T (*con của bà H*) có đến mua Tivi và đầu thu của ông Q với số tiền là 8.110.000 đồng và bà T có đưa trước cho ông Q số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả góp mỗi tháng 7.110.000 đồng và bà H cam kết số tiền nợ của bà T mua đồ sẽ do bà H trả. Bà H còn mượn tiền của ông Q số tiền 4.000.000 đồng chỉ thoả thuận bằng lời nói chứ không lập biên nhận. Tổng số tiền bà H và bà T nợ ông Q là 84.775.000 đồng.

Vào ngày 05/12/2021 bà H và bà T có trả được số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 23/3/2022 và ngày 26/4/2022 thì ông T1 (*chồng bà H, cha bà T*) có trả được 8.000.000 đồng (trong đó có 4.000.000 đồng là tiền vay, 4.000.000 đồng là tiền mua hàng). Còn lại số tiền mua hàng là 74.775.000 đồng từ đó đến nay bà H, bà T, ông T1 chưa trả.

Nay ông Lý Tích Q yêu cầu buộc bà Nguyễn Ngọc H, ông Khuru Hoàng T1 và bà Khuru Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền mua hàng hóa còn nợ là 74.775.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày khởi kiện là 07 tháng 19 ngày với lãi suất là 0,83%/tháng là 4.737.000 đồng. Tổng cộng là 79.512.000 đồng.

*** Tại phiên hòa giải ngày 16/6/2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:**

Bà H thừa nhận. Từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Ngọc H có đến cửa hàng điện tử - điện gia dụng Minh Mẫn mua Tivi, đầu thu nhiều lần với tổng số tiền là 86.665.000 đồng và bà H đã đưa trước cho ông Q số tiền là 13.000.000 đồng. Bên cạnh đó bà Khuru Ngọc T (*con của bà H*) có đến mua Tivi và đầu thu của ông Q với số tiền là 8.110.000 đồng và bà T có đưa trước cho ông Q số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả góp mỗi tháng 7.110.000 đồng và bà H cam kết số tiền nợ của bà T mua đồ sẽ do bà H trả. Đồng thời bà H cũng có mượn tiền của ông Q số tiền 4.000.000 đồng chỉ thoả thuận bằng lời nói chứ không lập biên nhận như ông Q trình bày là đúng. Tổng số tiền bà H và bà T còn nợ ông Q là 84.775.000 đồng.

Vào ngày 05/12/2021 bà H và bà T có trả được số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 23/3/2022 và ngày 26/4/2022 thì ông T1 (*chồng bà H, cha bà T*) có trả được 8.000.000 đồng (trong đó có 4.000.000 đồng là tiền vay, 4.000.000 đồng là tiền

mua hàng). Còn lại số tiền mua hàng là 74.775.000 đồng từ đó đến nay bà H, bà T, ông T1 chưa trả như ông Q trình bày là đúng.

Bà H, đồng ý trả cho ông Q tổng cộng là 79.512.000 đồng (trong đó số tiền vốn 74.775.000 đồng và tiền lãi là 4.737.000 đồng). Nhưng do hiện nay bà H gặp tai nạn, điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên bà H xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số nợ 79.512.000 đồng.

*** Tại phiên hòa giải ngày 16/6/2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà Khuru Ngọc T trình bày:**

Bà T thừa nhận: Từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Ngọc H có đến cửa hàng điện tử - điện gia dụng Minh Mẫn mua Tivi, đầu thu nhiều lần với tổng số tiền là 86.665.000 đồng và bà H đã đưa trước cho ông Q số tiền là 13.000.000 đồng. Bên cạnh đó bà Khuru Ngọc T (*con của bà H*) có đến mua Tivi và đầu thu của ông Q với số tiền là 8.110.000 đồng và bà T có đưa trước cho ông Q số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả góp mỗi tháng 7.110.000 đồng và bà H cam kết số tiền nợ của bà T mua đồ sẽ do bà H trả. Bà H còn mượn tiền của ông Q số tiền 4.000.000 đồng chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập biên nhận. Tổng số tiền bà H và bà T còn nợ ông Q là 84.775.000 đồng như ông Q trình bày là đúng.

Vào ngày 05/12/2021 bà H và bà T có trả được số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 23/3/2022 và ngày 26/4/2022 thì ông T1 (*chồng bà H, cha bà T*) có trả được 8.000.000 đồng (trong đó có 4.000.000 đồng là tiền vay, 4.000.000 đồng là tiền mua hàng). Còn lại số tiền mua hàng là 74.775.000 đồng từ đó đến nay bà H, bà T, ông T1 chưa trả như ông Q trình bày là đúng.

Bà T cũng thống nhất với phương án trả nợ của bà H là đồng ý trả cho ông Q tổng cộng là 79.512.000 đồng (trong đó số tiền vốn 74.775.000 đồng và tiền lãi là 4.737.000 đồng). Nhưng do hiện nay bà H là mẹ bà T gặp tai nạn, điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số nợ 79.512.000 đồng.

*** Tại phiên hòa giải ngày 16/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khuru Hoàng T1 trình bày:**

Ông T1 là chồng bà H, là cha bà T. Ông T không phải là người trực tiếp mua hàng của ông Q, ông T1 có biết được việc bà H và bà T có nợ tiền ông Q như ông Q, bà H, bà T trình bày là đúng. Ông T cũng đồng ý trả số nợ 79.512.000 đồng cho ông Q, ông T1 thống nhất với phương án trả nợ của bà H, bà T và không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ

án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lý Tích Q khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Ngọc H và bà Khuru Ngọc T có cùng địa chỉ tại số C, đường C1, khóm C2, phường C3, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Lý Tích Q, bà Nguyễn Ngọc H và bà Khuru Ngọc T đều thừa nhận khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả là số tiền phát sinh từ việc phía bị đơn mua hàng hóa của nguyên đơn. Do đó Tòa án xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi với số tiền 74.775.000 đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H và bà T thừa nhận là có mua hàng hóa của ông Q như ông Q trình bày là đúng. Việc mua bán là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Tổng cộng tiền mua hàng còn nợ lại là 74.775.000 đồng bà H và bà T đồng ý. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Như vậy, trên thực tế giữa ông Q và bà H, bà T có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy bà H, bà T đã mua hàng, đã nhận hàng hóa của ông Q và còn nợ lại ông Q số tiền 74.775.000 đồng nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn bà H, bà T còn nợ ông Q là 74.775.000 đồng.

[2.2] Xét về số tiền lãi:

Ông Q yêu cầu bà H, bà T trả lãi trên số tiền 74.775.000 đồng (tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày khởi kiện là 07 tháng 19 ngày) với lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền lãi là 4.737.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 79.512.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, phù hợp với quy định Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà H, bà T, ông T1 phải trả cho ông Q là 79.512.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định ở phần trên buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc H và bà Khuru Ngọc T cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Khuru

Hoàng T1 phải trả cho nguyên đơn ông Lý Tích Q số tiền vốn, lãi tổng cộng là 79.512.000 đồng. Trong đó (tiền vốn là 74.775.000 đồng, tiền lãi là 4.737.000 đồng).

[3] Đối với yêu cầu của bị đơn: Bị đơn bà H, bà T yêu cầu nguyên đơn cho trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 430; khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lý Tích Q: Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc H và bà Khuru Ngọc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khuru Hoàng T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Lý Tích Q tổng cộng là 79.512.000 đồng. Trong đó (tiền vốn là 74.775.000 đồng, tiền lãi là 4.737.000 đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H, bà Khuru Ngọc T, ông Khuru Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.975.600 đồng.

Nguyên đơn ông Lý Tích Q không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lý Tích Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.987.800 đồng theo biên lai số 0007750 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày ông Lý Tích Q có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Ngọc H và bà Khuru Ngọc T, ông Khuru Hoàng T1 còn phải trả lãi cho ông Lý Tích Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa

án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan